

Số: 14/QĐ-THCSAH

Tam Nông, ngày 08 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thực hiện quyết toán thu - chi
Ngân sách Nhà nước quý I năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1444/QĐ-UBND.HC ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân huyện Tam Nông về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các Ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện Tam Nông;

Xét đề nghị của Kế toán Trường Trung học cơ sở An Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán số liệu thu - chi Ngân sách Nhà nước quý I năm 2024 của Trường Trung học cơ sở An Hòa (chi tiết các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, giáo viên, nhân viên và người lao động của Trường Trung học cơ sở An Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH (b/c);
- Như điều 3 (t/h);
- Công TTĐT (công khai);
- Lưu: KT, VT.



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Thanh Hoàng

Đơn vị: Trường THCS An Hòa
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Am Ngy ngày 8. tháng 4. năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.999.773.000	969.574.197	19,39	
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.999.773.000	969.574.197	19,39	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.999.773.000	969.574.197	19,39	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.840.333.000	969.574.197	20,03	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	159.440.000			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 08 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

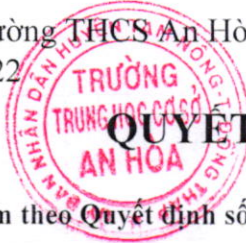
(Chữ ký, dấu)



Huỳnh Thanh Hoàng

Đơn vị: Trường THCS An Hòa

Chương: 622



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ

Quý I năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-THCSAH, ngày 08/04/2024 của Trường Trung học cơ sở An Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	969.574.197	969.574.197	
I	Nguồn ngân sách trong nước	969.574.197	969.574.197	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	969.574.197	969.574.197	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	969.574.197	969.574.197	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			

Đơn vị: Trường THCS An Hòa

Chương: 622

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN

Quý I năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-THCSAH, ngày 08/04/2024 của Trường Trung học cơ sở An Hòa)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu					
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Thu sự nghiệp khác					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	3.467.703	3.467.703			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	3.467.703	3.467.703			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	969.574.197	969.574.197	953.554.873		
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	969.574.197	969.574.197	953.554.873		

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	969.574.197	969.574.197	953.554.873		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
11.2	Chi Chương trình mục tiêu					

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Trung học Cơ sở An Hòa.

Mã ĐVQHNS: 1041700

Mã cấp NS: 3



Người ký: Nguyễn Thị Thúy Nhi
Ngày ký: 01/04/2024 17:59:18
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tam Nông - Đồng Tháp
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 / Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	073	00000	0	159.440.000	159.440.000	159.440.000	159.440.000	0	0	0	0	0	159.440.000
13	073	00000	0	4.840.333.000	4.840.333.000	4.840.333.000	4.840.333.000	969.574.197	969.574.197	0	0	0	3.870.758.803
Cộng:			0	4.999.773.000	4.999.773.000	4.999.773.000	4.999.773.000	969.574.197	969.574.197	0	0	0	4.030.198.803

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Duy

Người ký: Nguyễn Thị Thúy Nhi
Ngày ký: 01/04/2024 17:59:18
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tam Nông - Đồng Tháp

Nguyễn Thị Thúy Nhi

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Luân

Người ký: Nguyễn Minh Luân
Ngày ký: 01/04/2024 07:21:06
Đơn vị: Trường Trung học Cơ sở An Hòa.

Huỳnh Thanh Hoàng

Người ký: Huỳnh Thanh Hoàng
Ngày ký: 01/04/2024 07:21:30
Đơn vị: Trường Trung học Cơ sở An Hòa.

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Trung học Cơ sở An Hòa.

Mã ĐVQHNS: 1041700

Mã cấp NS: 3



Người ký: Nguyễn Thị Thúy Nhi
Ngày ký: 01/04/2024 17:59:18
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tam Nông - Đồng Tháp
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 / Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	073	6001	00000	0	0	526.645.800	526.645.800	526.645.800	526.645.800
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	073	6051	00000	0	0	10.432.500	10.432.500	10.432.500	10.432.500
Phụ cấp chức vụ	13	073	6101	00000	0	0	8.370.000	8.370.000	8.370.000	8.370.000
Phụ cấp khu vực	13	073	6102	00000	0	0	15.120.000	15.120.000	15.120.000	15.120.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	073	6107	00000	0	0	2.160.000	2.160.000	2.160.000	2.160.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	073	6112	00000	0	0	169.641.429	169.641.429	169.641.429	169.641.429
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	073	6113	00000	0	0	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	073	6115	00000	0	0	70.060.561	70.060.561	70.060.561	70.060.561
Bảo hiểm xã hội	13	073	6301	00000	0	0	107.714.052	107.714.052	107.714.052	107.714.052
Bảo hiểm y tế	13	073	6302	00000	0	0	18.465.265	18.465.265	18.465.265	18.465.265
Kinh phí công đoàn	13	073	6303	00000	0	0	12.310.177	12.310.177	12.310.177	12.310.177
Bảo hiểm thất nghiệp	13	073	6304	00000	0	0	6.155.089	6.155.089	6.155.089	6.155.089
Tiền điện	13	073	6501	00000	0	0	4.912.955	4.912.955	4.912.955	4.912.955
Tiền nước	13	073	6502	00000	0	0	2.043.000	2.043.000	2.043.000	2.043.000
Tiền vệ sinh, môi trường	13	073	6504	00000	0	0	1.470.369	1.470.369	1.470.369	1.470.369
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí	13	073	6605	00000	0	0	1.254.000	1.254.000	1.254.000	1.254.000

Internet, thuê đường truyền mạng										
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	073	7001	00000	0	0	980.000	980.000	980.000	980.000
Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13	073	7012	00000	0	0	5.359.000	5.359.000	5.359.000	5.359.000
Cộng:					0	0	969.574.197	969.574.197	969.574.197	969.574.197
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Duy

Người ký: Nguyễn Thị Thủy Nhi
Ngày ký: 01/04/2024 17:59:18
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tam Nông - Đồng Tháp

Nguyễn Thị Thủy Nhi

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Luân

Người ký: Nguyễn Minh Luân
Ngày ký: 01/04/2024 07:17:06
Đơn vị: Trường Trung học Cơ sở An Hòa

Người ký: Huỳnh Thanh Hoàng
Ngày ký: 01/04/2024 07:21:30
Đơn vị: Trường Trung học Cơ sở An Hòa

Huỳnh Thanh Hoàng



Người ký: Nguyễn Thị Thúy Nhi
Ngày ký: 01/04/2024 17:59:02
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tam Nông - Đồng Tháp
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 3 Năm 2024

Tên đơn vị: Trường Trung học Cơ sở An Hòa.

Mã ĐVQHNS: 1041700

Địa chỉ: Ấp 2, Xã An Hòa, Huyện Tam Nông, Đồng Tháp

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3713.0.1041700.00000				
Số dư đầu kỳ	40.179.063			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	40.179.063			
Tài khoản: 3714.0.1041700.00000				
Số dư đầu kỳ	80.969.700			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	80.969.700			
Tài khoản: 3716.3.1041700.00000				
Số dư đầu kỳ	1.065.956			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	1.065.956			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Duy

Người ký: Nguyễn Thị Thúy Nhi
Ngày ký: 01/04/2024 17:59:02
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tam Nông - Đồng Tháp

Nguyễn Thị Thúy Nhi

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2024

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Minh Luân
Ngày ký: 01/04/2024 07:17:15
Đơn vị: Trường Trung học Cơ sở An Hòa.

Nguyễn Minh Luân

Người ký: Huỳnh Thanh Hoàng
Ngày ký: 01/04/2024 07:21:36
Đơn vị: Trường Trung học Cơ sở An Hòa.

Huỳnh Thanh Hoàng